**Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2017)**

**(Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI Hội Cựu chiến binh Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2017)**

       Gần một thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân đã cùng toàn dân làm nên những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử - thời đại.

      Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng và kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và oanh liệt của dân tộc ta trước đây, cũng như trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc hiện nay, lực lượng Cựu chiến binh ngày càng phát triển lớn mạnh; đến nay đã có hàng triệu Cựu chiến binh, thuộc nhiều thế hệ tiếp tục nêu cao bản chất, truyền thống Bộ đội Cụ Hồ: “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng” đang cùng nhân dân cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Đây vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm thiêng liêng đối với sự hy sinh cao cả của hàng triệu đồng bào, đồng chí trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

     Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và nguyện vọng của các Cựu chiến binh, ngày 6 tháng 12 năm1989 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội đã trưởng thành nhanh chóng và phát triển về mọi mặt, xứng đáng là một đoàn thể chính tị - xã hội, là chỗ dựa tin cậy của các ấp uỷ đảng, chính quyền, nhân dân, nhất là ở cơ sở.

     Trong tình hình mới, chấp hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các nghị quyết , chỉ thị, kết luận, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Pháp lệnh Cựu chiến binh, Hội tập hợp, đoàn kết, động viên Cựu chiến binh ra sức xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, góp phần tăng cường hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng toàn dân thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh,dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

     Ngày 06 tháng 12 là ngày truyền thống của Cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh Việt Nam..

**CHƯƠNG I**

**TÍNH CHẤT, MỤC ĐÍCH CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

**ĐIỀU 1:**

      Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một đoàn thể chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ  Hội.

**ĐIỀU 2:**

      Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu, tình đồng chí, đồng đội.

***Chương II***

**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

**ĐIỀU 3:**

      Hội Cựu chiến binh Việt Nam có chức năng đại diện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh. Hội làm tham mưu cho cấp uỷ Đảng và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên và Cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng và của Hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; giám sát và phản biện xã hội đối với các hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước.

**ĐIỀU 4:**

     Hội Cựu chiến binh Việt Nam có nhiệm vụ:

     1. Tham gia góp ý xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân; đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nươc theo quy định.

     2. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; kiến nghị với cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến hội viên, Cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh.

     3. Tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên và Cựu chiến binh rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ côngdân.

 Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tập hợp, động viên Cựu quân nhân tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ, ban liên lạc Cựu quân nhân, nhằm tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong thực hiện các phong trào, các cuộc vận động của cấp ủy và chính quyền cơ sở.

     4. Tổ chức chăm lo, giúp đỡ hội viên và Cựu chiến binh nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tổ chức hoạt động tình nghĩa để hội viên và Cựu chiến binh tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

     5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho hội viên và Cựu chiến binh.

     6. Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan quân sự địa phương cùng cấp giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường cho thế hệ trẻ.

     7. Tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

***Chương III***

**HỘI VIÊN**

**ĐIỀU 5:**

      Những người được xét kết nạp vào Hội:

      1. Các đồng chí đã tham gia các đơn vị vũ trang do Đảng tổ chức trước ngày Cách mạng Tháng Tám 1945.

     2. Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam gồm: Bộ đội chủ lực, Bộ đội địa phương, Bộ đội biên phòng, Biệt động đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, nay đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu.

     3. Cán bộ và chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ đã trực tiếp tham gia chiến đấu, đội viên các đội công tác vũ trang vùng địch tạm chiếm.

     4. Công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thời kỳ chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

     5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu.

     6. Hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ, về định cư tại: các xã, huyện, tỉnh miền núi, xã , huyện biên giới đất liền, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

     7. Quân nhân đã hoàn thành nhiệm vụ ở tuyến đầu biên giới, hải đảo.

     8. Những quân nhân trong quá trình làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ có thành tích xuất sắc được Quân đội và Nhà nước khen thưởng. Quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ khi ra quân là đảng viên Đảng Cộng sản Việt nam hoặc được địa phương, cơ quan, đơn vị, doang nghiệp kết nạp vào Đạng Cộng sản Việt Nam.

     9. Những quân nhân, Cựu quân nhân được Bộ Quốc phòng đào tạo thành sĩ quan dự bị.

     Những người trên đây giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị; hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân, được Cựu chiến binh và Nhân dân tín nhiệm, tán thành và tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội, nhiệm vụ hội viên, làm đơn xin vào Hội đều được xem xét kệp nạp vào Hội.

**ĐIỀU 6:**

      Nhiệm vụ của hội viên:

     1. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

     2. Chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động của Hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Hội giao cho.

     3. Tích cực học tập rèn luyện, nâng cao kiến thức và giữ gìn phẩm chất, tư cách hội viên.

     4. Đoàn kết tương trợ nhau trên tình đồng chí, đồng đội, nhất là khi gặp khó khăn.

     5. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đóng hội phí, sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở Hội và tham gia xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh về mọi mặt.

**ĐIỀU 7:**

      Quyền lợi của hội viên:

     1. Được thông tin, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cần thiết theo sự phát triển của tình hình, nhiệm vụ cách mạng, tham gia các sinh hoạt, hoạt động của Hội.

     2. Được giúp đỡ làm kinh tế, cải thiện đời sống theo khả năng của Hội.

     3. Được Hội giúp đỡ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

     4. Thảo luận, phê bình, chất vấn, kiến nghị và biểu quyết các công việc của Hội.

     5. Ứng cử, đề cử, bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

**ĐIỀU 8:**

      1. Hội viên tuổi cao, thường xuyên đau yếu hoặc hoàn cảnh gia đình quá khó khăn được miễn công tác và sinh hoạt Hội trong từng thời gian, chi hội xem xét và Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội quyết định. Nơi có phân hội thì do phân hội đề nghị , báo cáo lên chi hội xem xét và Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội quyết định.

      2. Những hội viên bỏ sinh hoạt Hội và không đóng hội phí liên tục từ một năm trở lên mà không có lý do chính đáng thì chi hội xem xét, đề nghị Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội ( nơi không có Ban Chấp hành thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định kếp nạp hội viên) quyết định xóa tên trong danh sách hội viên.

      3. Hội viên xin ra khỏi Hội do chi hội xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định kếp nạp hội viên quyết định.

**ĐIỀU 9:**

     Thủ tục kếp nạp hội viên ( kể cả kếp nạp nại).

     1.Việc kếp nạp hội viên phải đúng thủ tục, nguyên tắc, đúng với tính chất quần chúng của Hội, đồng thời phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn hội viên.

     2. Người vào Hội phải có đơn xin vào Hội, báo cáo trung thực với tổ chức Hội về lai lịch bản thân.

     3. Chi hội xem xét và đề nghị (nơi có phân hội thì phân hội đề nghị, chi hội xét) lên tổ chức Hội cấp trên trực tiếp.

     4. Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội xét, nếu được ít nhất hai phần ba số thành viên tán thành thì quyết định kếp nạp. nơi không có ban chấp hành thì do hội nghị toàn thể hội viên xét, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số hội viên tán thành thì đề nghị tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định kếp nạp.

     5. Khi có quyết định của tổ chức Hội cấp trên, chi hội ( nơi không có ban chấp hành thì tổ chức cơ sở Hội) tiến hành kếp nạp từng người một.

     6. Chỉ kếp nạp lại một lần. Không kết nạp lại những người xin ra khỏi Hội hoặc đã bị xóa tên vì bỏ sinh hoạt Hội không có lý do chính đáng.

**ĐIỀU 10:**

     1.Tuổi của hội viên được tính từ ngày chi hội tuyên bố kếp nạp. Hội viên được kếp nạp lại thì tuổi hội của hội viên được tính từ ngày chi hội tuyên bố kếp nạp lần đầu, trừ thời gian bị xóa tên hội viên hoặc bị khai trừ khỏi Hội.

     2.Việc phát và quản lý thẻ hội viên; quản lý hồ sơ hội viên và thủ tục chuyển sinh hoạt hội cho hội viên do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

***Chương IV***

**NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA HỘI**

**ĐIỀU 11:**

     Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc là:

     1.Ban chấp hành Hội các ấp do dân chủ bầu ra bằng cách bỏ phiếu kín ( trường hợp đặc biệt do ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp chỉ định), thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

     2.Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Hội là Ban Chấp hành Trung ương Hội, ở mỗi cấp là ban chấp hành ở tổ chức Hội cùng cấp.

     3.Ban Chấp hành báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo hoạt động của mình đến các tổ chức Hội trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

     4.Tổ chức Hội và hội viên phải chấp hành nghị quyết của Hội. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Hội phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương Hội.

     5.Nghị quyết của các tổ chức Hội chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong tổ chức, cơ quan đó tán thành ( trừ kếp nạp và khai trừ hội viên). Trước khi biểu quyết mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Hội viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên tổ chức Hội cấp trên, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Hội.

     6.Ban chấp hành tổ chức Hội các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vị quyền hạn của mình, song không được trái với chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật Nhà nước. nghị quyết của cấp ủy cùng cấp và nghị quyết của tổ chức Hội cấp trên.

     7.Ban chấp hành từ tổ chức Hội cấp huyện và tương đương trở lên lập cơ quan thường trực. Thành phần cơ quan thường trực bao gồm chủ tịch và các phó chủ tịch cùng cấp. Cơ quan thường trực có trách nhiệm thay mặt ban thường vụ điều hành công tác thường xuyên của Hội; triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

**ĐIỀU 12:**

     1.Những tổ chức Hội mới thành lập hoặc chia tách, hợp nhất, sát nhập trong nhiệm kỳ, ban chấp hành hội cấp trên trực tiếp chỉ đạo ban chấp hành, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra chính thức; chỉ đạo xây dựng, hoặc bổ xung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các ban chấp hành này không nhất thiết phải là năm năm, để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức Hội cấp trên.

     2.Số lượng ủy viên ban chấp hành cấp nào do đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành trung ương Hội

     3. Ban chấp hành khóa mới nhận sự bàn giao từ ban chấp hành khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu; được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp.

     4.Việc bổ sung Uỷ viên Ban chấp hành thiếu, do Ban chấp hành đề nghị, Ban chấp hành đề nghị, Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng Uỷ viên Ban chấp hành sau khi bổ sung không vượt quá tổng số uỷ viên Ban chấp hành do đại hội quyết định. Khi cần thiết, Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp được chỉ định tăng thêm một số uỷ viên Ban chấp hành Hội cấp dưới. Trường hợp đặc biệt, nếu xét thấy cần thiết ban chấp hành hội cấp trên trực tiếp có thể ra quyết định chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, giữ chức chủ tịch, phó chủ tịch Hội cấp dưới trực tiếp sau khi thống nhất với cấp ủy  lãnh đạo trực tiếp tổ chức Hội cấp dưới.

     5.Uỷ viên Ban chấp hành Hội từ cấp tỉnh trở xuống xin rút khỏi Ban chấp hành ở cấp nào do Ban chấp hành cấp đó đề nghị, cấp trên trực tiếp quyết định. Đối với Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, do Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định.

     6.Uỷ viên Ban chấp hành Hội các cấp khi thôi giữ các chức vụ công tác Hội thì thôi không tham gia Ban chấp hành Hội các cấp.

**ĐIỀU 13:**

     1.Hệ thống tổ chức Hội có bốn cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận,thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp cơ sở.

      2.Ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập tổ chức Hội theo hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Hội.

     3.Hội Cựu chiến binh mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp, sự chỉ đạo của Ban chấp hành Hội cấp trên, phối hợp chặt chẽ với cơ quan, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Quân đội các đoàn thể nhân dân cấp đó và liên hệ gắn bó mật thiết với nhân dân.

     4.Hội được tổ chức dựa theo hệ thống tổ chức của Đảng; tổ chức Đảng của đơn vị trực thuộc cấp uỷ nào thì tổ chức Hội của đơn vị cũng trực thuộc tổ chức Hội cấp tương ứng.

**ĐIỀU 14:**

     1.Đại hội cấp nào do Ban chấp hành cấp đó triệu tập theo kỳ hạn quy định. Khi Ban chấp hành xét thấy cần thiết hoặc khi có hơn một phần hai số tổ chức Hội trực thuộc yêu cầu và được Ban chấp hành cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội bất thường.

     2.Đại biểu dự đại hội gồm đại biểu do bầu cử từ cấp dưới lên và các Uỷ viên Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội.

Khi cần thiết Ban chấp hành triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu, nhưng không quá năm phần trăm tổng số đại biểu được triệu tập.

     3.Sau khi Ban chấp hành mới được bầu ra, đoàn chủ tịch đại hội uỷ nhiệm từ một đến ba ủy viên trong số các uỷ viên được bầu, làm nhiệm vụ triệu tập ban chấp hành mới họp phiên đầu tiên để bầu ra Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ tịch (trong Ban Thường vụ) và bầu  Ban Kiểm tra, trưởng Ban kiểm tra ( trong số ủy viên ban kiểm tra). Số lượng Uỷ viên Ban Thường vụ không quá một phần ba tổng số lượng uỷ viên Ban chấp hành.

**ĐIỀU15:**

     1.Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội thường lệ năm năm lần, có nhiệm vụ: đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng nhiệm vụ, chương trình công tác nhiệm kỳ tới, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội và bầu Ban chấp hành Trung ương Hội.

     2.Ban chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, xây dựng và định hướng nội dung hoạt động, chỉ đạo các chương trình, kế hoạch hoạt động  các mặt công tác của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Ban chấp hành Trung ương Hội đại diện cho Hội quan hệ với các cơ quan Nhà nước, với các ban, ngành, các đoàn thể ở Trung ương, với các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.

     3.Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ tịch và Ban Kiểm tra của Hội. Số lượng Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra, Trưởng Ban kiểm tra của Hội. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ và ủy viên Ban Kiểm tra do Ban chấp hành Trung ương quyết định.

     4.Ban chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành.

     5.Khi khuyết Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương thì hội nghị Ban chấp hành Trung ương bầu cử bổ sung cho đủ số lượng do Đại hội đại biểu toàn quốc đã quyết định. Trường hợp cần tăng thêm Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội do hội nghị Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định.

**ĐIỀU 16:**

     1.Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường lệ năm năm một lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban chấp hành Trung ương Hội , đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

     2.Ban chấp hành Hội tỉnh, thành phố có nhiệm vụ: thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc, Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội và Nghị quyết của Đại hội cấp mình;  tham gia xây dựng và cụ thể hoá các nghị quyết, chương trình, phong trào của Hội, chỉ đạo công tác của Hội ở địa phương giữa hai kỳ Đại hội, đại diện cho Hội quan hệ với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở tỉnh, thành phố.

     3.Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bầu ra ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch và bầu ban kiểm tra, trươgr ban kiểm tra.

     4.Ban chấp hành họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp 6 tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành.

**ĐIỀU 17:**

     1.Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị tương đương năm năm một lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban chấp hành Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

     2.Ban chấp hành Hội huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ: tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và Nghị quyết của đại hội cấp mình; hướng dẫn các tổ chức cơ sở thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội, chỉ đạo công tác Hội ở địa phương giữa hai kỳ đại hội, phối hợp với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong các hoạt động chính trị ở địa phương.

     3.Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị tương đương bầu ra Ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch và bầu Ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra.

     4.Ban chấp hành họp thường lệ  ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Những địa bàn có khó khăn đặc biệt, họp thường lệ  sáu tháng một lần, do Ban chấp hành Trung ương Hội hướng dẫn. Ban Thường vụ họp ba tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành

**ĐIỀU 18:**

     Hội Cựu chiên binh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương trở lên  được thành lập cơ quan giúp việc theo quy định của Ban Bí thư hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Thường trực Trung ương Hội.

**ĐIỀU 19:**

     1.Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp cần quan hệ chặt chẽ với các ban liên lạc truyền thống đơn vị, chiến trường và các hình thức tập hợp Cựu chiến binh, Cựu quân nhân hợp pháp khác nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Hội trong đông đảo Cựu chiến binh, Cựu quân nhân.

     2.Đối với những quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về (không thuộc đối tượng kết nạp vào Hội) Hội Cựu chiến binh chủ trì phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các ngành chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền bằng các hình thức thích hợp, tập hợp, bồi dưỡng, động viên anh chị em phát huy vai trò tích cực của Cựu quân nhân trong thực hiện các phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở.

***Chương V***

**TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA HỘI**

**ĐIỀU 20:**

     Tổ chức cơ sở Hội là nền tảng của Hội, nơi tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội, của địa phương, cơ quan, đơn vị. Ở các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp có từ năm hội viên trở lên được thành lập tổ chức cơ sở Hội.

**ĐIỀU 21:**

    Tổ chức cơ sở Hội có nhiệm vụ:

     1. Tham gia góp ý xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ nhân dân, thực hiện pháp lệnh về dân chủ ở xã, phường, thị trấn; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát và phản biện xã hội; giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

     2 Bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực cho hội viên.

     3. Hướng dẫn hoạt động của hội viên và vận động Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình, phong trào của Hội.

     4. Chủ động phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở.

     5. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên, tổ chức giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, phát triển kinh tế gia đình.

     6. Xây dựng tổ chức cơ sở Hội trong sạch, vững mạnh.

**ĐIỀU 22:**

     Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, tổ chức cơ sở Hội ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp còn có nhiệm vụ:

     1.Tập hợp,đoàn kết, hướng dẫn, động viên hội viên và Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị, tích cực góp phần xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác, sản xuất, kinh doanh của cơ quan đơn vị;

     2. Tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị.

     3. Gương mẫu chấp hành các quy tắc chế độ công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ chức trách người cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; chăm lo giúp đỡ nhau về tinh thần và vật chất.

**ĐIỀU 23:**

     1.Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên của tổ chức cơ sở Hội thường lệ năm năm  một lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban chấp hành, bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

     2.Tổ chức cơ sở hội có từ 12 hội viên trở lên bầu ban Chấp hành, dưới 12 hội viên bầu Chủ tịch và 1 Phó chủ tịch.

     3.Ban chấp hành tổ chức  cơ sở Hội tổ chức thực hiện Nghị quyết của ban chấp hành, c tổ chức Hội cấp trên và Nghị quyết của Đại hội cấp mình, chỉ đạo công tác ở tổ chức cơ sở giữa hai kỳ Đại hội.

     4.Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có từ 9 Uỷ viên trở lên bầu ra Ban thường vụ, bầu chủ tịch, phó chủ tịch và Ban kiểm tra do phó chủ tịch kiêm trưởng ban kiểm tra; dưới 9 uỷ viên bầu chủ tịch, phó chủ tịch kiêm  công tác kiểm tra.

     5.Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi có Ban Thường vụ, họp thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp thường lệ mỗi tháng một lần, họp bất thường khi cần, điều hành công tác của Hội giữa hai kỳ họp Ban chấp hành. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi không có Ban thường vụ, họp thường lệ  mỗi thang một lần, họp bất thường khi cần.

**ĐIỀU 24:**

     1.Những tổ chức cơ sở Hội đông hội viên hoặc địa bàn quá rộng, được thành lập các chi hội và dưới chi hội là phân hội, tạo thuận lợi cho sinh hoạt, công tác và thăm hỏi giúp đỡ nhau

     2. Chi hội và phân hội bầu ra chi hội trưởng, phân hội trưởng. Nơi có đông hội viên, có nhiều phân hội, bầu ra một hoặc nhiều chi hội phó.

 Chi hội, phân hội sinh hoạt thường kỳ từ một đến ba tháng một lần.

***Chương VI***

**CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

**CỦA HỘI VÀ BAN KIỂM TRA CÁC CẤP**

**ĐIỀU 25:**

     1.Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo, một nhiệm vụ công tác của tổ chức Hội các cấp. Ban chấp hành các cấp Hội phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức Hội cấp dưới và hội viên về chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Hội.

     Tổ chức Hội và hội viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội.

     2.Ban chấp hành Hội các cấp bầu ra Ban kiểm tra và trưởng Ban kiểm tra cấp mình. Số lượng uỷ viên Ban kiểm tra do Ban chấp hành mỗi cấp quy định, trong đó có không quá  một phần ba là uỷ viên Ban chấp hành. Các thành viên ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra cấp dưới phải được Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp chuẩn y.

**ĐIỀU 26:**

     Ban Kiểm tra các cấp chịu sự lãnh đạo của Ban chấp hành cấp mình và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Kiểm tra cấp trên, làm việc theo chế độ tập thể. Ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

     1. Kiểm tra hội viên, Uỷ viên Ban chấp hành Hội cùng cấp, tổ chức Hội cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành nhiệm vụ hội viên, nhiệm vụ uỷ viên Ban chấp hành, trong việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội và trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

     2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra và xử lý kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới.

     3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, đề nghị Ban chấp hành quyết định.

     4.Giám sát uỷ viên Ban chấp hành cùng cấp, tổ chức Hội cấp dưới trong việc chấp hành Điều lệ, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội.

     5. Tiếp nhận, xem xét, kiến nghị với Ban chấp hành ( từ cấp huyện và tương đương trở xuống), với ban thường vụ ( từ cấp tỉnh và tương đương trở lên) giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên và của nhân dân có liên quan đến hội viên và tổ chức Hội.

     Ban Kiểm tra được quyền yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

***Chương VII***

**KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

**ĐIỀU 27:**

     Hội viên và tổ chức Hội có nhiều thành tích được các cấp Hội xét khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước và của Ban chấp hành Trung ương Hội.

**ĐIỀU 28:**

     1. Hội viên và tổ chức Hội làm trái Điều lệ, Nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến uy tín và tài sản của Hội thì tuỳ tính chất, mức độ sai lầm mà áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật sau đây:

    Đối với hội viên*:* khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

    Đối với uỷ viên Ban chấp hành*:* khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ khỏi Hội.

Đối với tổ chức Hội*:* khiển trách, cảnh cáo.

     Đối với ban kiểm tra và uy viên ban kiểm tra áp dụng hình thức kỷ luật như với Ban Chấp hành và ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp.

     2.Việc xử lý kỷ luật hội viên phải được phân hội ( nơi không có phân hội thì chi hội) thảo luận, chi hội đề nghị; ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội xem xét quyết định với sự đồng ý của quá một phần hai tổng số ủy viên ban chấp hành, Với hình thức khai trừ khỏi Hội phải được sự đồng ý của  ít nhất hai phần ba tổng số ủy viên ban chấp hành.

     3.Xử lý kỷ luật uỷ viên Ban chấp hành Hội cấp nào do hội nghị Ban chấp hành cấp đó thảo luận, biểu quyết với sự đồng ý của quá một phần hai tổng số ủỷ viên Ban chấp hành, Ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Xử lý kỷ luật uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội do hội nghị Ban chấp hành Trung ương quyết định.

    4.Xử lý kỷ luật  tổ chức Hội với hình thức khiển trách, cảnh cáo do Ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Trường hợp đặc biệt cần áp dụng hình thức xử lý kỷ luật cao hơn do sai phạm nghiêm trọng, thì do Ban chấp hành Hội cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên xem xét quyết định.

     5.Việc đình chỉ sinh hoạt của hội viên, ủy viên Ban Chấp hành khi có dấu hiệu vi phạm kỷ luật nghiêm trọng do Ban Chấp hành Trung ương quy định. Ban Chấp hành hội cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do Ban Chấp hành hội cấp dưới quyết định.

     6. Quyết định kỷ luật của tổ chức Hội và hội viên có hiệu lực thi hành ngay sau khi công bố. Tổ chức Hội và hội viên không đồng ý với quyết định thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với ban Chấp hành hoặc Ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, Ban Chấp hành hoặc Ban kiểm tra thông báo cho tổ chức Hội hoặc hội viên khiếu nại biết; chậm nhất 60 ngày đối với cấp cơ sở; 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quân, tương đương; 180 ngày đối với cấp Trung ương phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức Hội, hội viên khiếu nại.

     Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức Hội và hội viên bị kỷ luật phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kỷ luật

***Chương VIII***

**TÀI CHÍNH CỦA HỘI**

**ĐIỀU 29:**

     Tài chính của Hội gồm các nguồn:

    1. Ngân sách Nhà nước cấp.

    2. Hội phí do hội viên đóng.

    3. Tiền ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu hợp pháp khác.

    4. Tài chính, ngân sách ở cấp nào do cấp đó tự quản, có tài khoản riêng và chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước theo luật định. Ban chấp hành Trung ương Hội quy định mức đóng hội phí, chế độ thu nộp và sử dụng.

   Hàng năm hội nghị Ban chấp hành nghe báo cáo về thu, chi hội phí của cấp mình.

***Chương IX***

**CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI**

**ĐIỀU 30:**

     Mọi hội viên và tổ chức Hội có trách nhiệm chấp hành Điều lệ Hội.

 Ban chấp hành Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội.

**ĐIỀU 31:**

     Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Hội.

**Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam**

 **Xuất bản tháng 3 năm 2018**